

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **57/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 21-8-2019
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ - TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Trọng Lâm** và ông **Nguyễn Văn Hải**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Liên** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019 và và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Hấu Súi K**, sinh năm: 1972

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 77/3, Tổ 7, K 6, thị trấn T, huyện P, tỉnh N; chỗ ở: Tổ 3, ấp 2, xã H, huyện P, tỉnh N.

Bị đơn: Anh **Ông Tsần Say H**, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số nhà 77/3, Tổ 7, K 6, thị trấn T, huyện P, tỉnh N.

(Bà K đề nghị xét xử vắng mặt; ông H vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2019, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn bà Hấu Súi K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông H tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân năm 1994, thời gian này do am hiểu pháp luật hạn chế nên bà và ông H không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký kết hôn, do đó đến năm 2014, bà và ông H mới đến Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện P đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/9/2014, số 146, quyền số 01/2014.

Đời sống hôn nhân của vợ chồng bà đầm ấm, hạnh phúc đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H có biểu hiện không chung thủy, có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và còn có hành vi bạo lực gia đình, do thời gian này các con chung còn nhỏ nên bà đã nhiều lần khuyên nhủ và tự hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ gia đình, đến nay bà nhận thấy ông H vẫn không thay đổi tính tình, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Mặc dù vợ chồng hiện nay vẫn còn sống chung với nhau nhưng không ai quan tâm đến ai, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Nay bà K nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với ông Tsần Say H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung Tsần Trạc S, sinh năm 1997; Tsần Trạc T, sinh năm 2000. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Theo bà K vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Theo bà K, vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Tsần Say H mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử không có ý kiến, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Để chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau: Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); sổ hộ khẩu của gia đình (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy khai sinh của các con chung (bản sao); lời khai của nguyên đơn tại biên bản lấy lời khai; đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp lệ cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Các biên bản xác minh ngày 04/7/2019, về tình trạng hôn nhân của các đương sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận cho bà K ly hôn với ông H; về con chung: Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét. Về nợ chung: bà K khai không có, nên không xem xét; đối với anh Phương nếu có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Hấu Súi K khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Tsần Say H. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Tsần Say H có nơi cư trú tại thị trấn T, huyện P, tỉnh N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Hấu Súi K vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Tsần Say H là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà K, ông H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú vào ngày 17/9/2014, vào sổ số 146, quyển số 01, do đó đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[4] Đời sống hôn nhân của vợ chồng bà K, ông H đầm ấm, hạnh phúc đến năm 2012 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không còn tin tưởng, thương yêu và chia sẻ được nói nhau những vấn đề trong cuộc sống, hơn nữa ông H có biểu hiện không chung thủy, từ đó tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Mặc dù vợ chồng bà K, ông H vẫn còn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

[5] Đối với bị đơn ông Tsần Say H, qua xác minh tại địa phương nơi bị đơn cư trú, xác định ông H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, vẫn sinh sống và thường xuyên có mặt tại địa chỉ như nguyên đơn cung cấp nhưng cố tình né tránh. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, giấy báo và các văn bản tố tụng khác (Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử) cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án làm việc, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, tự từ bỏ quyền của đương sự. Mặt khác, điều này cũng thể hiện ông H không có thiện chí để hòa giải đoàn tụ gia đình với bà K.

[6] Từ những lý do nêu trên, xác định được bà K, ông H trong quá trình sống chung đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình thì yêu cầu ly hôn của bà K đối với ông H là có cơ sở.

[7] Về con chung: Bà K, ông H có 02 (một) con chung Tsần Trạc Sôi, sinh năm 1997; Tsần Trạc Tranh, sinh năm 2000. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Bà K khai không có, nên không xem xét; đối với ông H nếu có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung đối với bà K thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[9] Về án phí: Bà K là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó bà K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147, và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 19, 51, 56 của Luật Hôn nhân Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hấu Súi K về việc “Ly hôn” đối với ông Tsần Say H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Hấu Súi K và ông Tsần Say H.

2. Về nuôi con chung: Bà K, ông H có 02 (hai) con chung Tsần Trạc S, sinh năm 1997; Tsần Trạc T, sinh năm 2000. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung, bà K khai không có, nên không xem xét, giải quyết. Dành quyền khởi kiện về chia tài sản chung của vợ chồng bằng vụ án khác cho ông H nếu ông H có yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Hấu Súi K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà K đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 006077 ngày 20/3/2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Bà K đã nộp đủ án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Bà K, ông H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND thị trấn T (để ghi vào sổ hộ tịch
ĐK ngày 17/9/2014);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thịnh